

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ
Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Giáo dục học; Chuyên ngành: Lý luận và phương pháp dạy học tiếng Anh

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: PHAN THỊ THANH THẢO

2. Ngày tháng năm sinh: 21/06/1977; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Vũ Ninh, Vũ Thư, Thái Bình

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: TDP9, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Trường Đại học Thành Đô, Lai Xá, Kim Chung, Hoài Đức, Hà Nội.

Điện thoại nhà riêng: 024.3861793;

Điện thoại di động: 0904615999;

E-mail: phanthaotdu@gmail.com / ptthao@thanhdouni.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ năm 1999 đến năm 2004: Giảng viên Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội;

Từ năm 2004 đến năm 2009: Trưởng khoa Ngoại ngữ, Trường Cao đẳng Công nghệ Thành Đô;

Từ năm 2009 đến năm 2011: Trưởng khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Thành Đô;

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
Từ năm 2015 đến năm 2020: Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Thành Đô;

Từ năm 2020 đến năm nay: Hiệu trưởng Trường Đại học Thành Đô.

Chức vụ: Hiện nay: Hiệu trưởng Trường Đại học Thành Đô.

Chức vụ cao nhất đã qua: Hiệu trưởng Trường Đại học Thành Đô.

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Thành Đô.

Địa chỉ cơ quan: Trường Đại học Thành Đô, Lai Xá, Kim Chung, Hoài Đức, Hà Nội.

Điện thoại cơ quan: 02433861601

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu: Chưa nghỉ hưu

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn
nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH thứ nhất ngày 09 tháng 09 năm 1999, ngành: Ngôn ngữ Anh, chuyên
ngành: Tiếng Anh.

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường ĐH Ngoại ngữ (cũ) nay là ĐH Hà Nội – Việt
Nam.

- Được cấp bằng ĐH thứ hai ngày 12 tháng 10 năm 1999, ngành: Ngôn ngữ Trung Quốc,
chuyên ngành: Tiếng Trung.

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường ĐH Ngoại ngữ (cũ) nay là ĐH Hà Nội – Việt
Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 12 tháng 10 năm 2006, ngành: Ngôn ngữ Anh, chuyên ngành:
Tiếng Anh.

Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Hà Nội.

- Được cấp bằng TS ngày 22 tháng 7 năm 2015, ngành: Giáo dục học, chuyên ngành:
Giảng dạy tiếng Anh

Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Đại học Công nghệ Queensland - Australia.

- Được cấp bằng TSKH ngày.....; số văn bằng:, ngành:; chuyên ngành:
.....Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: Chưa

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS cơ sở Trường Đại học Sư
phạm Hà Nội 2

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Giáo
dục học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Dạy và học tiếng Anh trong giáo dục đại học; Quản trị cơ sở giáo dục.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) 02 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng: 04; cấp: cơ sở;
- Đã công bố (số lượng) 27 bài báo khoa học, trong đó 07 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 0, trong đó 0 thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: Không

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu): Không

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Trong suốt 22 năm làm việc trong lĩnh vực giáo dục đại học và cao đẳng, trải qua nhiều vị trí từ giảng viên, cho đến quản lý chuyên môn và lãnh đạo nhà trường, tôi đều không ngừng phấn đấu, trau dồi kiến thức để cố gắng hoàn thành tốt các nhiệm vụ mà mình đảm trách.

Về đào tạo, tôi chủ yếu tham gia giảng dạy các môn liên quan đến chuyên ngành chính của tôi là lí luận và phương pháp dạy học tiếng Anh, đã hướng dẫn thành công 2 học viên cao học, bảo vệ và lấy bằng thạc sĩ vào năm 2017 và 2020. Ngay cả khi đã được đảm nhiệm các vị trí lãnh đạo trong trường như Phó hiệu trưởng, Hiệu trưởng, tôi vẫn không quên nhiệm vụ chính và cốt lõi của mình là giảng dạy và vẫn cố gắng bố trí một khoảng thời gian để tham gia giảng dạy, trực tiếp đứng lớp để truyền đạt các kiến thức, kỹ năng chuyên môn của mình cho các thế hệ kế tiếp.

Về nghiên cứu khoa học, ngay từ khi trở thành giảng viên đại học 22 năm trước, tôi đã luôn tâm niệm, là giảng viên ở bậc đại học thì phải gắn liền việc giảng dạy với nghiên cứu khoa học. Vì vậy, tôi đã không ngừng tìm cách nâng cao năng lực bản thân thông qua các hoạt động nghiên cứu khoa học.

Cụ thể, sau khi hoàn thành chương trình thạc sĩ năm 2006, tôi đã tìm kiếm và được nhận học bổng theo học chương trình tiến sĩ về chuyên ngành Giảng dạy tiếng Anh tại Trường Đại học Công nghệ Queensland (Australia), nhận bằng tốt nghiệp năm 2015. Đây có thể coi là giai đoạn bản lề, giúp tôi được tiếp cận với trình độ nghiên cứu khoa học từ các giáo sư tại một nền giáo dục đại học tiên tiến, từ đó tạo nền tảng cho các nghiên cứu sau này của mình. Trong giai đoạn 2010 - 2015, tôi chủ yếu tập trung nghiên cứu về các chủ đề liên quan đến dạy và học tiếng Anh – là chuyên ngành được đào tạo của tôi.

Từ 2015 đến nay, khi bắt đầu đảm nhận các vị trí lãnh đạo của Trường Đại học Thành Đô, tôi ý thức được việc cần phải có thêm kiến thức, kỹ năng về quản trị đại học để đáp ứng yêu cầu công việc của mình, vì vậy, tôi bổ sung thêm vào các chủ đề nghiên cứu của mình đó là “quản trị cơ sở giáo dục”.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

Từ năm 2020, theo sự phân công của Hội đồng quản trị của Nhà trường, tôi đảm nhiệm thêm một chức vụ là Đồng trưởng Nhóm nghiên cứu, Nhóm Nghiên cứu Reduvation về đổi mới giáo dục được Trường Đại học Thành Đô cùng Trung tâm Nghiên cứu Giáo dục và Phát triển EdLab Asia phối hợp thành lập với hy vọng có thể đưa các kết quả nghiên cứu của mình và cộng sự vào việc đổi mới dạy và học cũng như quản trị Trường Đại học Thành Đô nói riêng cũng như các cơ sở giáo dục khác nói chung.

Cho đến hiện tại, tôi đã tham gia công bố 27 bài báo trên tạp chí khoa học, trong đó 07 bài báo được công bố trên các tạp chí quốc tế thuộc danh mục Scopus. Đồng thời, tôi cũng làm chủ nhiệm 04 đề tài khoa học cấp cơ sở đã được nghiệm thu.

Tóm lại, xét theo các tiêu chuẩn hiện hành, tôi tự cảm thấy mình đạt các tiêu chí để đạt chuẩn chức danh Phó giáo sư năm 2022. Kính trình Hội đồng các cấp xem xét, đánh giá và phê duyệt.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 22 năm

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2015-2016					110		110/106.50/54
2	2016-2017			01		162		162/152.60/54
3	2017-2018					157		157/141.30/54
03 năm học cuối								
4	2018-2019					152		152/141.60/54
5	2019-2020			01		139	36	139/93.60/54
6	2020-2021					88	58	146/112.40/42
7	2021-2022					54	45	129/81.00/42

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; tại nước: Australia năm 2015

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: Trường Đại học Hà Nội

số bằng ĐH: 185844; năm cấp: 1999

số bằng ThS: A027027; năm cấp: 2006

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

- Cử nhân Ngôn ngữ Anh;

- Thạc sĩ Ngôn ngữ Anh;

- Tiến sĩ Giảng dạy Tiếng Anh

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/ BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/C K2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Đỗ Khắc Trường		x	x		2016- 2017	Đại học Hà Nội	2017
2	Nguyễn Hữu Hải		x	x		2019- 2020	Đại học Hà Nội	17/07/2020

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phản biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1	Chapter IV: The education system and cooperative and	TK	Routledge, Taylor &	3	Yasushi Tanaka &	84-104	

	work-integrated education system in Vietnam: an overview Cooperative and Work-Integrated Education in Asia: History, Present, and Future Issues		Francis Group		Karsten Zegwaard		
2							

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: [],.....

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận PGS/TS				
II	Sau khi được công nhận PGS/TS				
1	An approach to foster language learner autonomy in a Vietnamese EFL classroom	Chủ nhiệm	10-2018/KHCN Cấp cơ sở	Tháng 8/2018 đến tháng 10/2019	28/10/2019
2	Tiếng Anh giao tiếp dành cho sinh viên khoa Dược	Chủ nhiệm	105-2019/KHCN Cấp cơ sở	Tháng 10/2019 đến tháng 05/2020	19/5/2020
3	Hoạt động công bố quốc tế tại Việt Nam: Thực trạng và ý nghĩa đối với cộng đồng và những nhà hoạch định chính sách	Chủ nhiệm	28-2021/KHCN Cấp cơ sở	Tháng 9/2020 đến tháng 06/2021	18/6/2021
4	Thực trạng và động lực phát triển chuyên môn của giáo viên	Chủ nhiệm	27-2021/KHCN Cấp cơ sở	Tháng 6/2020 đến tháng 12/2021	21/12/2021

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỹ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận TS							
	Bài báo khoa học							
1	Ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ tới việc dạy và học tiếng Anh – Nhìn từ góc độ giao thoa văn hóa	1	x	Tạp chí Khoa học Công nghệ - Đại học Công nghiệp Hà Nội			Số 3, 57-60	2010
2	Teacher Autonomy and Learner Autonomy: An East Asian's Perspective (Tự chủ của giáo viên và tự chủ của sinh viên: Nghiên cứu theo quan điểm của người Á Đông)	1	x	International Journal of Social Science and Humanity			Vol. 2 (6), 468 - 471	2012
	Bài báo cáo hội thảo quốc tế							
3	Developing autonomy in an East Asian classroom: from policy to practice DOI 10.7763/IPEDR. 2013. V68. 2	1	x	International Proceedings of Economics Development and Research ISSN: 2010-4626			Vol 68 (2), 6 - 10	2013
II	Sau khi được công nhận TS							
	Bài báo khoa học							
1	Tự chủ của người học trong bối cảnh giáo dục đại học Việt Nam - góc nhìn từ yếu tố ngôn ngữ	2	x	Tạp chí Giáo dục và xã hội ISSN: 1859-3917			Số 59(120) tháng 2/2016, 32	2016
2	Mô hình phát triển tự chủ của người học ngôn ngữ qua xây dựng các dự án học tập và một số ứng dụng tại Việt Nam (The model of developing learner autonomy in language through designing learning projects and some	1	x	Tạp chí Giáo dục và xã hội ISSN: 1859-3917			65(126), Tháng 08/2016, trang 67-75	2016

	applications in Vietnam.)							
3	Một số yếu tố ảnh hưởng đến công bố quốc tế của giảng viên các trường đại học ở Việt Nam	3	x	Tạp chí Giáo dục ISSN: 2354-0753			Số 497, kì I – tháng 03/2021, 48 - 53	2020
4	Dataset of Vietnamese teachers' habits and motivation behind continuous professional development programs participation DOI: https://doi.org/10.1016/j.dib.2020.106525	4	x	Data in Brief ISSN: 2352-3409	Scopus (Q4)		Số 33	2020
5	Nâng cao tính tự chủ của người học ngoại ngữ thông qua ứng dụng của công cụ chuyển đổi số (Using digital transformation apps to develop language learner autonomy)	2	x	Tạp chí Giáo dục và xã hội ISSN: 1859-3917			Số 118(179)	2021
6	Tìm hiểu thực trạng về động lực phát triển chuyên môn giáo viên tại Việt Nam	2	x	Tạp chí Giáo dục ISSN: 2354-0753			Số 512 (kỳ 2-10/2021), 59-64	2021
7	The Role of Non-Academic Service Quality in an Academic-Oriented Context: Structural Equation Modeling amongst Parents of Secondary Education Students DOI: https://doi.org/10.26803/ijlter.20.8.13	5	x	International Journal of Learning, Teaching and Educational Research p-ISSN: 1694-2493	Scopus (Q4)		Volume 20, Issue 8	2021
8	Self-assessment and Language Learner Autonomy:	1	x	Vietnam Journal of Education			5(3), 72-83	2021

	An Exploratory Study in a Vietnamese University			ISSN: 2588-1477				
9	Năng suất công bố của các cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam giai đoạn 2016 - 2020: Dữ liệu từ Scopus	4		Tạp chí Giáo dục ISSN: 2354-0753			Số 498 (kì 2 - 3/2021), 1 - 6	2021
10	Mô hình quản trị tại các trường đại học tư thục Việt Nam	4	x	Tạp chí Giáo dục ISSN: 2354-0753			Số 503, kì I – tháng 06/2021, 1 - 7	2021
11	International academic publishing in Vietnam: policy efficiency and room for development DOI: https://doi.org/10.6087/kcse.249	4	x	Science Editing ISSN: 2288 – 8063	Scopus (Q2)		Volume 8, Issue 2, 162 - 165	2021
12	Factor Associated With Teacher Satisfaction and Online Teaching Effectiveness Under Adversity Situations: A Case of Vietnamese Teachers During COVID-19 DOI: https://doi.org/10.1177/00220574211039483	4		Journal of Education ISSN: 0022-0574	Scopus (Q3)		Published online	2021
13	Dataset of Vietnamese students' academic perfectionism and school alienation DOI: https://doi.org/10.1016/j.dib.2021.107463	4	x	Data in Brief ISSN: 2352-3409	Scopus (Q4)		33, 106525	2021
14	A Bibliometrics study on homework from 1977 to 2020	3	x	Vietnam Journal of Educational			Volume 17, Issue	2021

				Sciences ISSN: 2615 - 8965			1, 45 - 59	
15	Xu hướng công bố khoa học giáo dục Việt Nam giai đoạn 1991 – 2019: Phân tích trắc lượng từ cơ sở dữ liệu Scopus	1	x	Tạp chí Giáo dục ISSN: 2354- 0753			22(9), 46-51	2022
16	Critical Pedagogy through Genre- Based Pedagogy for Developing Students' Writing Skills: Strategies and Challenges DOI: https://doi.org/10.15642/NOBEL.2022.13.1.98-116	5		NOBEL: Journal of Literature and Language Teaching ISSN: 2549- 2470			13(1), 89-116	2022
17	Parents as Customers: The Influence of School Reputation on Satisfaction, Feedback, and Loyalty of Vietnamese Secondary Students' Parents DOI: https://doi.org/10.1057/s41299-022-00144-w	6		Corporate Reputation Review eISSN: 1479-1889	Scopus (Q3)		Publishe d online	2022
18	Đặc điểm xuất bản và các công bố tiêu biểu trong khoa học giáo dục Việt Nam giai đoạn 1991 – 2019	1	x	Tạp chí Khoa học giáo dục ISSN: 2615 - 8957			Tập 18, số 05, 14-19	2022
19	Xu hướng hợp tác trong xuất bản quốc tế về KHGD Việt Nam giai đoạn 1991 - 2019	1	x	Tạp chí Giáo dục ISSN: 2354- 0753			SĐB 4, tháng 5/2022	2022
20	Employing a project work in a Vietnamese EFL undergraduate class	1	x	Vietnam Journal of Education,			Volume 6, issue 2	2022

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

	to promote autonomy			ISSN 2588-1477				
21	Tự chủ của người học ngoại ngữ tại Việt Nam: một phân tích so sánh giữa lý thuyết, chính sách và quan điểm của giáo viên	1	x	Tạp chí Giáo dục ISSN: 2354-0753			SĐB 4, tháng 5/2022	2022
22	Xu hướng đa dạng hóa các bằng xếp hạng đại học toàn cầu	1	x	Tạp chí Giáo dục ISSN: 2354-0753			Tập 22, số 12, Tháng 6/2022, 54-58	2022
23	Thúc đẩy tự chủ ở người học ngoại ngữ thông qua ứng dụng phương pháp dạy học qua dự án: Một nghiên cứu trường hợp	1	x	Tạp chí Giáo dục ISSN: 2354-0753			SĐB 5, tháng 5/2022	2022
24	Two decades of studies on learning management system in higher education: a bibliometric analysis with Scopus database 2000-2020	7	x	Journal of University Teaching & Learning Practice ISSN: 1449-9789	Scopus Q2		in press	2022
25	Mối liên hệ giữa kinh nghiệm và năng lực của giáo viên với thói quen tham gia các hoạt động phát triển chuyên môn	2	x	Tạp chí Khoa học giáo dục ISSN: 2615 - 8957			inpress	2022
Báo cáo hội thảo/hội nghị quốc gia								
26	Giải pháp tài chính và động lực nghiên cứu khoa học tại các cơ sở giáo dục đại học	3	x	Kỷ yếu hội thảo khoa học Quốc gia các giải pháp về chính sách Tài chính nhằm phát triển giáo dục đại học ở Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2035			Trang 153 - 165	2022

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

				ISBN: 978-604-67-2302-8				
--	--	--	--	-------------------------	--	--	--	--

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 05 (số TT: II.4; II.7; II.11; II.13; II.24)

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Xây dựng Chương trình đào tạo ngành Tiếng Anh, trình độ Cao đẳng	Chủ trì		Trường Đại học Thành Đô	Số: 160/QĐ-ĐHTĐ ngày 11/8/2017	
2	Xây dựng Chương trình đào tạo ngành Tiếng Nhật, hệ Cao đẳng	Chủ trì		Trường Đại học Thành Đô	Số: 160/QĐ-ĐHTĐ ngày 11/8/2017	
3	Xây dựng Chương trình đào tạo Thạc sỹ ngành Quản lý Kinh tế	Chủ trì		Trường Đại học Thành Đô	Số: 239/QĐ-ĐHTĐ ngày 01/10/2018	

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

.....

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế
cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho
việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

*Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân
sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được
bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.*

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:
- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp
luật.

Hà Nội, ngày 03 tháng 05 năm 2022

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



Phan Thị Thanh Thảo